| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ DẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 66/2017/DS-ST
Ngày 27-9-2017
V/v "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Nguyễn Văn Trọn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXDS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Võ Thị B (L), sinh năm: 1984, (có mặt).

Địa chỉ: Số 87, ấp TV 1, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

*Bị đơn*: Ông Huỳnh Việt P, sinh năm: 1960, (có mặt).

Địa chỉ: Ô1/145, khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1963, (vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng địa chỉ ông P.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-7-2017 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Võ Thị B (L) trình bày:*

Do chị và ông Huỳnh Việt P có quen biết nhau nên ngày 05-5-2017, chị có cho ông P vay số tiền 200.000.000 đồng để trả ngân hàng, ông P có ghi và ký tên vào giấy mượn tiền. Khi vay, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/ngày, khi vay ông P nói là mượn tạm 05 – 07 ngày sẽ trả. Ngày 25-5-2017, ông P có trả cho chị 60.000.000 đồng tiền lãi, bao gồm: tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 25-5-2017 là 21 ngày x 1.000.000 đồng/ngày = 21.000.000 đồng, còn 39.000.000 đồng

hai bên có thỏa thuận là tiền lãi sau ngày 25-5-2017. Sau đó ông P không tiếp tục trả nợ cho chị. Chị có yêu cầu vợ chồng ông P trả nợ nhưng ông P chỉ hứa hẹn mà không trả. Nay chị yêu cầu vợ chồng ông P, bà H trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 05-5-2017 với mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận là 5%/ngày. Đối với số tiền 60.000.000 đồng, chị không đồng ý trừ vào phần tiền nợ vốn mà đồng ý trừ vào phần tiền lãi chị yêu cầu. Ngoài ra, chị không trình bày hay yêu cầu gì khác. Tại Tòa chị xác định lãi 0,5%/ngày, tức là 200.000.000 đồng ngày 1.000.000 đồng tiền lãi.

*Tại bản tự khai ngày 07-9-2017 và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Huỳnh Việt P trình bày*:

Ông thừa nhận có vay của chị B số tiền 200.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ như chị B trình bày là đúng, giấy mượn tiền đề ngày 05-5-2017 là do ông ghi và ký tên. Mục đích vay là để trả nợ ngân hàng, ông lấy giấy đất ra để bán đất lấy tiền làm ăn. Tuy vợ chồng ông vẫn chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, nhưng khi vay vợ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc H không biết. Ngày 25-5-2017, ông có trả cho chị B 60.000.000 đồng, lúc trả không nói rỏ là tiền vốn hay tiền lãi, nhưng nay ông yêu cầu trừ số tiền này vào tiền nợ vốn mà ông đã vay của chị B. Nay chị B yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 theo mức lãi suất 5%/ngày ông không đồng ý. Ông chỉ đồng ý trả cho chị B số tiền vay còn lại là 140.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm. Tại Tòa ông xác định lãi 0,5%/ngày, tức là 200.000.000 đồng ngày 1.000.000 đồng tiền lãi.

*Tại bản tự khai ngày 10-9-2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

Việc vay mượn tiền giữa chồng bà là ông P với chị B, bà không biết. Việc giải quyết vụ án do ông P và chị B tự quyết định. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm. Bà có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án , Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bà Hương có đơn xin vắng mặt nên xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị B đối với ông P và bà H. Buộc ông P và bà H trả cho chị B số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Tại tòa chị B và ông P thống nhất, ngày 05-5-2017 ông Huỳnh Việt P có vay của chị Võ Thị B (L) số tiền 200.000.000 đồng, ông P có ghi giấy tay mượn tiền và ký tên, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 0,5%/ngày và thời hạn trả nợ là từ 05 đến 07 ngày. Do ông P, bà H vi phạm thực hiện nghĩa vụ nên chị B khởi kiện yêu cầu ông P, bà H trả số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận là 0,5%/ngày tính từ ngày 05-5-2017 cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Ông P không đồng ý, ông yêu cầu được khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng mà ông đã trả cho chị B ngày 25-5-2017 vào số tiền gốc, vì khi trả hai bên không thỏa thuận là tiền vốn hay tiền lãi, do đó ông chỉ đồng ý trả cho chị B 140.000.000 đồng tiền vốn.

[3] Qua xác minh người làm chứng thừa nhận ông P có gửi cho ông 60.000.000 đồng nhờ trả cho chị B, lúc ông P đưa tiền không nói là trả tiền nợ lãi hay nợ vốn. Do đó, ông P yêu cầu khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng đã trả vào tiền nợ vốn là chưa phù hợp hoàn toàn, vì đến ngày 25-5-2017 ông chưa trả tiền lãi thì không thể trừ hết vào tiền vốn được. Đối với yêu cầu của chị B cũng không có cơ sở chấp nhận toàn bộ, vì đến ngày 25-5-2017 tiền lãi theo như chị tính thì có 21.000.000 đồng, số dư ra phải trừ một phần vào số tiền nợ vốn là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Qua làm việc, ông P và bà H đều cho rằng khi vay bà H không biết nên bà H không có trách nhiệm cùng trả nợ. Nhưng ông P thừa nhận mục đích vay tiền của chị B trả nợ cho ngân hàng xóa thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bán lấy tiền làm ăn. Xét thấy, mục đích ông P vay số tiền trên là để trả nợ chung của vợ chồng và phục vụ cho cuộc sống gia đình, hơn nữa ông P cũng thừa nhận ông và bà H vẫn chung sống bình thường. Do đó, cần buộc bà H có trách nhiệm cùng ông P trả nợ cho chị B là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Tại giấy mượn tiền ngày 05-5-2017 hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5% nhưng không ghi rỏ là lãi suất của ngày hay tháng nhưng qua hòa giải và tại phiên phòa, hai bên thừa nhận lãi suất là 0,5%/ngày và xác nhận thời hạn trả nợ là từ 05 đến 07 ngày (tức hạn cuối trả nợ là ngày 12-5-2017). Chị B yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận 0,5%/ngày là trái với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ, nhưng lãi suất thỏa thuận vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay nên căn cứ vào khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 20%/năm (tức 1,67%/tháng), lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn để giải quyết là phù hợp.

Tiền lãi tính từ ngày 05-5-2017 đến ngày 27-9-2017 được tính như sau:

- Lãi trong hạn từ ngày 05-5-2017 đến ngày 12-5-2017 là 07 ngày:

200.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 07 ngày = 779.300 đồng;

- Lãi chậm trả trên số tiền lãi trong hạn từ ngày 13-5 đến ngày 25-5-2017 là 13 ngày: 779.300 đồng x 0,83%/tháng x 13 ngày = 2.800 đồng;

- Lãi quá hạn từ ngày 13-5-2017 đến ngày 25-5-2017 là 13 ngày:

200.000.000 đồng x (1,67%/tháng x 150%) x 13 ngày = 2.171.000 đồng;

- Ngày 25-5-2017 trả 60.000.000 đồng – lãi 2.953.100 đồng = 57.046.900 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng – 57.046.900 đồng = 142.953.100 đồng;

- Lãi quá hạn từ ngày 26-5-2017 đến ngày 27-9-2017 = 04 tháng 01 ngày:

142.953.100 đồng x (1,67%/tháng x 150%) x 04 tháng 01 ngày = 14.443.266 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi mà ông P và bà H có nghĩa vụ thanh toán cho chị B là 157.396.366 đồng (làm tròn 157.396.400), (trong đó gốc là 142.953.100 đồng và lãi là 14.443.300 đồng). Như vậy có căn cứ chấp nhận số tiền 157.396.400 đồng, phần còn lại số tiền 42.603.600 đồng không chấp nhận là phù hợp.

[6] Chị B, ông P và bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: chị Bông chịu 42.603.600 đồng x 5% = 2.130.200 đồng; ông P và bà H chịu 157.396.400 đồng x 5% = 7.869.800 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị B đối với ông Huỳnh Việt P và bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc ông Huỳnh Việt P và bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả cho chị Võ Thị B số tiền 157.396.400 (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B đối với số tiền 42.603.600 (Bốn mươi hai triệu sáu trăm lẽ ba nghìn sáu trăm) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông P, bà H phải chịu 7.869.800 (Bảy triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm) đồng. Chị B chịu 2.130.200 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị B nộp 5.500.000 đồng theo biên lai thu số 0012391 ngày 01-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Hoàn trả cho chị B 3.369.800 (Ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm) đồng.

*Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông P, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà H vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị An**